

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HS - ST  
Ngày: 03-6-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Chu Thị Thu Hương

*Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Văn Thắm

Bà Nguyễn Thị Mai

**- Thư ký phiên toà:** Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Như Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2020/HSST ngày 22 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST - HS ngày 19 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn N - Sinh năm 1982. Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: tổ 33, khu 5, phường T, thành phố U, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Tấn L và con bà Chu Thị N; có Vợ: Quách Thị Ngọc O (Đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con bé sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Năm 2012, Nguyễn Tấn N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố U, tỉnh Q khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS. Sau đó, người bị hại rút yêu cầu khởi tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố U đã ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can đối với Nguyễn Tấn N và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. N đã nộp xong số tiền phạt 1.500.000 đồng ngày 22/5/2012.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2019 đến nay tại tạm giam tại Trại tạm giam K Công an tỉnh H. Có mặt.

- Bị hại:

Anh Trần Trọng T, sinh năm 1970 và chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1977

Đều có địa chỉ: Tổ 3, khu 1, phường Đ, thành phố H, tỉnh Q; Anh T có mặt, chị D vắng mặt ủy quyền cho anh T.

- Những người làm chứng:

1. Bà Chu Thị N, sinh năm 1956

Địa chỉ: Tổ 33, khu 5, phường T, thành phố U, tỉnh Q; Có mặt.

2. Anh Phạm Quang H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Đường H, phường N, thành phố H, tỉnh H. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2019, tại nhà bà Chu Thị N, sinh năm 1956, trú tại tổ 33, khu 5, phường T, thành phố U, tỉnh Q, bà N cùng con trai là Nguyễn Tấn N bàn bạc với anh Trần Trọng T, sinh năm 1970, trú tại tổ 3, khu 1, phường Đ, thành phố H, tỉnh Q về việc mua xe ô tô chung làm nghề vận tải. Bà N đưa cho anh T số tiền 50.000.000 đồng để đặt cọc mua xe ô tô. Nhưng sau đó không đặt cọc mua được xe ô tô nên anh T vẫn cầm của bà N số tiền trên. Bà N đòi nhiều lần thì anh T chưa trả được và có nhờ N nhận với bà N là T đã trả số tiền đó cho N xong rồi để bà N không đòi nữa. N đồng ý và đã nhận với bà N về việc anh T đã trả số tiền 50.000.000 đồng cho N. Sau đó, do cần tiền đi làm ăn, Nguyễn Tấn N nhiều lần đòi anh T phải trả số tiền 50.000.000 đồng nhưng anh T không đồng ý trả với lý do là tiền của bà N nên anh T chỉ trả cho bà N. Sáng ngày 16 tháng 9 năm 2019, khi N đi trên xe ô tô biển số 14B - 033.41, nhãn hiệu Hyundai Solati, màu sơn đen, đăng ký chủ sở hữu là anh Trần Trọng T, trên đường từ bến xe M về Q, N nảy sinh ý định điều khiển chiếc xe ô tô trên đi với mục đích ép buộc anh T để lấy số tiền 50.000.000 đồng. Đến khoảng 12 giờ 26 phút cùng ngày, xe ô tô của anh T đỗ tại trước cửa nhà hàng 559, địa chỉ khu dân cư M, phường C, thành phố C, tỉnh H, sau khi hành khách trên xe vào nhà hàng dừng nghỉ. Nguyễn Tấn N cùng anh T và anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1978, trú tại tổ 2, khu 1, phường Đ, thành phố H, tỉnh Q, là lái xe của T lên ăn cơm tại khu vực tầng hai của nhà hàng 559. Sau khi ăn cơm khoảng 5 phút thì N xuống trước rồi đi đến chỗ xe ô

tô của T. Lúc này xe vẫn đang nổ máy, trên xe không có ai, N mở cửa xe rồi lái xe về khu vực quận L, thành phố H. Ngay sau đó, anh T biết N điều khiển xe ô tô đi nên dùng điện thoại gọi điện và nhắn tin zalo cho N với nội dung yêu cầu N lái xe quay về. N trả lời qua tin nhắn zalo cho anh T với nội dung yêu cầu anh T chuyển số tiền 50.000.000đồng vào tài khoản ngân hàng mang tên Phạm Thị N, số tài khoản 107001390975, tại ngân hàng V (đây là số tài khoản của chị Phạm Thị N, sinh năm 1989, trú tại tổ 5, khu B, phường P, thành phố U, tỉnh Q), thì mới trả lại xe, nếu không sẽ đốt xe. Trong quá trình N điều khiển xe ô tô của anh T đi, N liên tục đe dọa yêu cầu anh T chuyển tiền nếu không sẽ đốt xe ô tô của anh T nhưng anh T không chuyển tiền theo yêu cầu của N. Đến chiều ngày 17 tháng 9 năm 2019, sau khi N được nhiều người khuyên ngăn và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. N báo cho anh T đến quận L, thành phố H cùng đi xe về nhà hàng 559 để trả xe. Anh T đã nhận lại xe đầy đủ, không bị hư hỏng hay mất tài sản gì khác trên xe.

Tại Cáo trạng số 35/CT-VKSCL ngày 13 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh H đã truy tố Nguyễn Tấn N về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định điểm d khoản 2 Điều 170 BLHS.

*Tại phiên toà:*

Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn Ninh phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; Điều 38; Điều 15; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 18/11/2019. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết. Về vật chứng: Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 5, màu đen, dung lượng 16GB, số IMEI 013424003348098, bên trong lắp sim số 0936061659. Về án phí: Bị cáo N phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, VKSND thành phố C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Tấn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng hơn 12 giờ ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trước cửa nhà hàng 559, thuộc khu dân cư M, phường C, thành Phố C, tỉnh H, Nguyễn Tấn N tự ý điều khiển chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Solati, sơn màu đen, biển số 14B-033.41 của anh Trần Trọng T đi khỏi nhà hàng 559. Sau đó, N liên lạc qua điện thoại đe dọa đốt xe ô tô để đòi anh T chuyển khoản cho số tiền 50.000.000đồng. Đến chiều ngày 17 tháng 9 năm 2019, anh T chưa chuyển số tiền trên cho N nhưng sau khi được nhiều người khuyên ngăn và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. N đã trả lại anh T chiếc xe ô tô trên. Vì vậy, đủ căn cứ xác định Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình nhưng cố ý thực hiện. Bị cáo đã dùng thủ đoạn dọa đốt xe, uy hiếp về mặt tinh thần đối với bị hại nhằm chiếm đoạt số tiền 50.000.000đồng. Khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cân nhắc về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo N thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo dọa đốt xe của bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản nhưng chưa gây thiệt hại về tài sản và chưa chiếm đoạt được số tiền 50.000.000đồng của bị hại. Bị cáo đã tác động mẹ đẻ là bà N để tự nguyện bồi thường cho anh T 10.000.000đồng. Bị cáo còn có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương và bản thân bị cáo trong quá trình học tập được tặng giấy khen nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy vậy, bị cáo N có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích, mặc dù đã chấp

hành xong nhưng bị cáo không lấy đó là bài học mà còn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên cần áp dụng một hình phạt thỏa đáng, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để rèn luyện bị cáo trở thành người có ích, đồng thời răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là không có tài sản riêng, không có thu nhập thường xuyên, không có khả năng thi hàn án nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh T đã nhận lại xe ô tô, xe không hỏng hóc hay mất mát gì. Bà N là mẹ đẻ bị cáo N đã bồi thường cho anh T 10.000.000đồng, anh T không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[5] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố C đã thu giữ 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5, màu đen, dung lượng 16GB, số IMEI 01342400348098, bên trong lắp sim số 0936061659 là công cụ phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[6] Trong vụ án, bà N, chị Nguyễn Thị Thùy D, chị Phạm Thị N không biết N có hành vi cưỡng đoạt tài sản nên không đặt ra xem xét xử lý. Đối với hành vi N tự điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Solati, sơn màu đen, BKS 14B-03.41 của anh Trần Trọng T chỉ là phương thức, thủ đoạn dùng để thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản. N không có mục đích chiếm đoạt chiếc xe ô tô của anh T, N không có giấy phép lái xe nên Công an thành phố C đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với Ninh là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo N bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; Điều 38; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn N phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn N 3 năm 3 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 18-11-2019.

Hình phạt bổ sung: Không đặt ra giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

Tịch thu và sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5, màu đen, dung lượng 16GB, số IMEI 01342400348098, bên trong lắp sim số 0936061659.

*(Tình trạng cụ thể của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan CSĐT- Công an thành phố C và Chi cục THADS thành phố C ngày 21/4/2020).*

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của BLTTHS 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Tấn N phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố C;
- VKSND tỉnh H;
- Công an thành phố C;
- Chi cục THA dân sự thành phố C;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Chu Thị Thu Hương**